TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TO, TP. HN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 25/11/2020.
V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO.

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
-Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **NGUYỄN TIẾN HÙNG.**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **NGUYỄN THỊ NGUYỆT**
và Ông **LÊ HUY TRỌNG.**
- Thư ký phiên toà: Bà **NGUYỄN THỊ MINH LÝ,** Thư ký Toà án nhân dân huyện TO, Tp. HN.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Tp.HN tham gia phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM**, kiểm sát viên

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TO - TP. HN xét xử công khai vụ án thụ lý số: 233/2020/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về: "*Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2020/QĐXX - ST ngày 06 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **NTN**, sinh năm 1985.
ĐKNKTT và nơi ở: TP, Thị Trấn HH, huyện T N, Tỉnh P T.
- Bị đơn: Anh **NVD,** sinh năm 1981.
ĐKHKTT và nơi ở: Thôn M H, xã T M, huyện TO, Tp.HN.
Tại phiên tòa chị N có mặt, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai, chị NTN trình bày:

Chị và anh NVD quen biết nhau năm 2006, thời điểm đó hai người cùng đi bán hàng ở HN sau khoảng 03 tháng tìm hiểu thì hai người tổ chức cưới theo phong tục địa phương, đăng ký kết hôn ngày 05/9/2006 tại UBND xã T M, huyện TO, Thành phố HN trên cơ sở tự nguyện của hai vợ chồng, sau ngày cưới chị về nhà anh D chung sống ngay, vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khi sinh con đầu lòng, tuy nhiên trong cuộc sống anh D thường xuyên say xỉn, uống rượu, chửi bới và không chịu lao động kiếm sống, đến khi con chung được 03 tuổi thì chị đưa con về trên H H, TN,P T đi học và cũng từ đó vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, đến năm 2016 chị về P T chăm con, đi làm và cũng từ đó cho đến nay vợ

chồng sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai nữa, nay chị thấy tình nghĩa vợ chồng không thể hàn gắn được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn để giải phóng cho nhau.

Về con chung: Theo chị khai nhận vợ chồng có 01 con chung là NTA, sinh năm 2007, hiện tại cháu đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, khi ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi con vì hiện tại cháu đang học tập ở trên P T và chị có quan điểm không yêu cầu anh D trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác: Chị khai nhận không có.

Sau khi thụ lý vụ án, toà án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh NVD không đến toà án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ngày 04/11/2020 tại gia đình anh D, tòa án tiến hành làm việc lấy lời khai anh D, anh cho biết: Anh và chị NTN quen biết, tìm hiểu, đăng ký kết hôn như chị N trình bày là đúng, từ năm 2016 đến nay vợ chồng sống ly thân, nay chị N ly hôn anh không ly hôn.

Về con chung: Như chị N trình bày hiện có một con chung là NTA, sinh năm 2007, hiện tại đang do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng khi ly hôn anh đồng ý để chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và từ chối việc trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác: Chị khai nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng*: Ngày 23/11/2020 Tòa án nhân dân huyện TO đưa vụ kiện ra xét xử theo luật định, tuy nhiên anh D vắng mặt nên phiên tòa phải hoãn. Sau khi tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa, tòa án mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh D vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt anh D là đúng theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị NTN và anh NVD đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân UBND xã T M, huyện TO, Tp. HN ngày 05/9/2006 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ được nhà nước công nhận, nay có yêu cầu ly hôn, cần áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015 để giải quyết.

- *Về mâu thuẫn của vợ chồng Hội đồng xét xử nhận định:* Trên cơ sở xem xét lời khai của chị N và anh D cho thấy, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được

một con chung, tuy nhiên trong cuộc sống anh D thường xuyên uống rượu, không lao động được, từ năm 2016 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, tại phiên tòa chị N từ chối việc hòa giải và giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn, xét mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn xử cho chị và anh D được ly hôn là phù hợp.

- *Về con chung*: Theo khai nhận của chị N và anh D vợ chồng có 01 con chung là NTA, sinh năm 2007, hiện tại đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, xét thấy cháu NTA có quan điểm xin được ở với chị N, xét yêu cầu này là phù hợp cần chấp nhận, tiếp tục giao cháu NTA cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N không yêu cầu anh D trợ cấp nuôi con là tự nguyện, đúng pháp luật, nên tạm hoãn việc trợ cấp nuôi con chung cho anh D.

- *Về tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác*: Các bên đương sự trình bày không có nên không xem xét trong bản án này

Đại diện VKSND huyện TO, tham gia phiên toà có quan điểm:

Từ khi nhận đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ. Thẩm phán, thư ký đã tiến hành tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng tư cách tham gia tố tụng, không vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử cần xem xét toàn bộ nội dung, căn cứ tài liệu đã thu thập được và trình bày của đương sự, chấp nhận yêu cầu của chị Nghĩa về việc xin ly hôn.

Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu NTA cho chị NTN tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều: 51, 53, 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Điều 271,272,273 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

- Xử: Chị NTN và anh NVD được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu NTA, sinh ngày 06/4/2007 cho chị NTN tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ trợ cấp nuôi con chung cho anh NVD cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu.

Anh NVD có quyền thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và công nợ và các yêu cầu khác: Không xem xét trong bản này.

- Về án phí: Chị NTN phải chịu: 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 02275 ngày 14 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/11/2020. Anh NVD có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *TAND Tp.HN;*
- *VKSND Huyện TO;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã T M;*
- *UBND TT H H;*
- *Lưu Hồ Sơ .*

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN TIẾN HÙNG